**BÀI KIỂM TRA VỀ:**

**RƯỢU-AXIT AXETIC-CHẤT BÉO-GLUCOZƠ**

**ĐỀ 1**

**Câu 1:** Nhiệt độ sôi của rượu etylic là

A. 78,30C. B. 87,30C C. 73,80C. D. 83,70C.

**Câu 2:** Độ rượu là

A. số ml rượu etylic có trong 100 ml hỗn hợp rượu với nước.

B. số ml nước có trong 100 ml hỗn hợp rượu với nước.

C. số gam rượu etylic có trong 100 ml hỗn hợp rượu với nước.

D. số gam nước có trong 100 gam hỗn hợp rượu với nước.

**Câu 3:** Trong 100 ml rượu 450 có chứa

A. 45 ml nước và 55 ml rượu nguyên chất. C. 45 gam rượu nguyên chất và 55 gam nước.

B. 45 ml rượu nguyên chất và 55 ml nước. D. 45 gam nước và 55 gam rượu nguyên chất.

**Câu 4:** Công thức cấu tạo của rượu etylic là (Chương 5/ bài 44/ mức 1)

A. CH2 – CH3 – OH. B. CH3 – O – CH3. C. CH2 – CH2 – OH2. D. CH3 – CH2 – OH.

**Câu 5:** Nhóm –OH trong phân tử rượu etylic có tính chất hóa học đặc trưng là

A. tác dụng được với kim loại giải phóng khí hiđro.

B. tác dụng được với natri, kali giải phóng khí hiđro.

C.tác dụng được với magie, natri giải phóng khí hiđro.

D. tác dụng được với kali, kẽm giải phóng khí hiđro.

**Câu 6:** Rượu etylic cháy trong không khí, hiện tượng quan sát được là

A. ngọn lửa màu đỏ, tỏa nhiều nhiệt. C. ngọn lửa màu xanh, tỏa nhiều nhiệt.

B. ngọn lửa màu vàng, tỏa nhiều nhiệt. D. ngọn lửa màu xanh, không tỏa nhiệt.

**Câu 7:** Rượu etylic trong phân tử gồm

A. nhóm etyl ( C2­H5) liên kết với nhóm – OH.

B. nhóm metyl (CH3) liên kết với nhóm – OH.

C. nhóm hyđrocacbon liên kết với nhóm – OH.

D. nhóm metyl ( CH3) liên kết với oxi.

**Câu 8:** Rượu etylic là

A. chất lỏng không màu, nhẹ hơn nước, tan vô hạn trong nước, hòa tan được nhiều chất như iot, benzen,…

B. chất lỏng màu hồng , nhẹ hơn nước, tan vô hạn trong nước, hòa tan được nhiều chất như: iot, benzen,…

C. chất lỏng không màu, không tan trong nước, hòa tan được nhiều chất như: iot, benzen,…

D. chất lỏng không màu, nặng hơn nước, tan vô hạn trong nước, hòa tan được nhiều chất như: iot, benzen,…

**Câu 8:** Trên nhãn của một chai rượu ghi 180 có nghĩa là

A. nhiệt độ sôi của rượu etylic là 180C.

B. nhiệt độ đông đặc của rượu etylic là 180C.

C. trong 100 ml rượu có 18 ml rượu etylic nguyên chất và 82 ml nước.

D. trong 100 ml rượu có 18 ml nước và 82 ml rượu etylic nguyên chất.

**Câu 9:** Muốn điều chế 100 ml rượu etylic 650 ta dùng

A. 100 ml nước hòa với có 65 ml rượu nguyên chất.

B. 100 ml rượu etylic nguyên chất có 65 ml nước.

C. 65 ml rượu etylic nguyên chất hòa với 35 ml nước.

D. 35 ml rượu nguyên chất với 65 ml nước.

**Câu 10:** Rượu etylic tác dụng được với natri vì

A. trong phân tử có nguyên tử oxi.

B. trong phân tử có nguyên tử hiđro và nguyên tử oxi.

C. trong phân tử có nguyên tử cacbon, hiđro và nguyên tử oxi.

D. trong phân tử có nhóm – OH.

**ĐỀ 2**

**Câu 1:** Axit axetic tác dụng với kẽm giải phóng khí

A. hiđro (H2). B. hiđro clorua ( HCl ). C. hiđro sunfua (H2S). D. amoniac (NH3).

**Câu 2:** Phản ứng lên men giấm là

A. C2H6O + H2O  CH3COOH + H2O.

B. C2H5OH  CH3COOH + H2O.

C. C2H5OH + O2  CH3COOH.

D. C2H5OH + O2  CH3COOH + H2O.

**Câu 3:** Phương trình phản ứng sản xuất axit axetic trong công nghiệp là:

Xúc tác, t0

 C4H10 + O2 CH3COOH + H2O

Tổng hệ số trong phương trình phản ứng trên là

A. 11. B. 12. C. 13. D. 14.

**Câu 4:** Axit axetic tác dụng với muối cacbonat giải phóng khí (Chương 5/ bài 45/ mức 1)

A. CO2. B. SO2 C. SO3 D. CO

**Câu 5:** Tính chất vật lý của etyl axetat là

A. chất lỏng, mùi thơm, ít tan trong nước, dùng làm dung môi trong công nghiệp.

B. chất khí mùi thơm, ít tan trong nước, dùng làm dung môi trong công nghiệp.

C. chất lỏng không mùi, ít tan trong nước, dùng làm dung môi trong công nghiệp.

D. chất lỏng tan vô hạn trong nước, dùng làm dung môi trong công nghiệp.

**Câu 6:** Để phân biệt C6H6;  C2H5OH; CH3COOH ta dùng:

A. Na kim loại. C. H2O và quỳ tím.

B. dung dịch NaOH. D. H2O và phenolphtalein.

**Câu 7**: Để phân biệt dung dịch CH3COOH và C2H5OH ta dùng

A. Na. B. Zn. C. K. D. Cu.

**Câu 8:** Dãy chất tác dụng với axit axetic là:

A. CuO; Cu(OH)2; Cu; CuSO4 ; C2H5OH. C. CuO; Cu(OH)2; Zn ; H2SO4; C2H5OH.

B. CuO; Cu(OH)2; Zn ; Na2CO3 ;C2H5OH. D. CuO; Cu(OH)2; C2H5OH; C6H6; CaCO3.

**Câu 9:** Dung dịch nào sau đây tác dụng được với CaO, CaCO3 nhưng không tác dụng được với dung dịch AgNO3 ?

A. NaOH. B. HCl. C. CH3COOH. D. C2H5OH.

**Câu 10:** Cặp chất nào sau đây có phản ứng xảy ra và sinh ra khí CO2

A. CH3COOH và ZnO C. CH3COOH và ZnCO3.

B. CH3COOH và Zn(OH)2. D. CH3COONa và K2CO3.

**ĐỀ 3**

**Câu 1 :** Công thức cấu tạo của axit axetic khác với rượu etylic là

A. có nhóm –CH3. C. có hai nguyên tử oxi.

B. có nhóm –OH. D. có nhóm –OH kết hợp với nhóm C = O

 tạo thành nhóm – COOH.

**Câu 2:** Các chất đều phản ứng được với Na và K là

A. rượu etylic, axit axetic. C. rượu etylic, benzen .

B. benzen, axit axetic. D. dầu hoả, rượu etylic.

**Câu 3:** Rượu etylic và axit axetic có công thức phân tử lần lượt là

A. C2H6O2, C2H4O2. B. C3H6O, C2H4O2.

C. C2H6O, C3H4O2. D.C2H6O, C2H4O2.

**Câu 4:** Chất tác dụng với natri cacbonat tạo ra khí cacbonic là

A. nước. B. rượu etylic.

C. axit axetic. D. rượu etylic và axit axetic

**Câu 5:** Chọn câu đúng trong các câu sau.

 A. Những chất có nhóm –OH và nhóm –COOH tác dụng được với KOH.

 B. Những chất có nhóm –OH tác dụng được với K.

 C. Những chất có nhóm –COOH tác dụng với KOH nhưng không tác dụng với K.

 D. Những chất có nhóm –OH và nhóm –COOH cùng tác dụng với K và KOH.

**Câu 6:** Hợp chất hữu cơ A có công thức phân tử là C2H6O biết A không tham gia phản ứng với Na. Công thức cấu tạo của A là

A. CH3-CH2OH. B. CH3-O-CH2.

C. CH3-O-H-CH2. D. CH3-O-CH3

**Câu 7:** Thủy phân chất béo trong môi trường axit thu được

A. glixerol và một loại axit béo. C. glixerol và một muối của axit béo.

 B. glixerol và một số loại axit béo. D. glixerol và xà phòng.

**Câu 8:** Thủy phân chất béo trong môi trường kiềm thu được

A. glixerol và muối của một axit béo. C. glixerol và xà phòng.

B. glixerol và axit béo. D. glixerol và muối của các axit béo

**Câu 9 :** Chọn phương pháp tốt nhất làm sạch vết dầu ăn dính trên quần áo.

A. Giặt bằng giấm. B. Giặt bằng nước.

C. Giặt bằng xà phòng. D. Giặt bằng dd H2SO4

**Câu 10:** Chất nào sau đây **không** phải là chất béo ?

A. (C17H35COO)3C3H5. B. (C15H31COO)3C3H5.

C. (C17H33COO)3C3H5. D. (CH3COO)3C3H5.

**ĐỀ 4**

**Câu 1:** Chất **không** phản ứng với kim loại K là

A. dầu hoả. B. rượu etylic. C. nước. D. axit axetic.

**Câu 2:** Este là sản phẩm của phản ứng giữa

A. axit và rượu. B. rượu và gluxit. C. axit và muối. D. rượu và muối.

Câu 3: Cho các chất sau : Zn, Cu, CuO, NaCl, C2H5OH, Ca(OH)2. Số chất tác dụng được với dung dịch axit axetic là

A. 3 B. 4. C. 5. D. 6.

**Câu 4:** Có ba lọ không nhãn đựng : rượu etylic, axit axetic, dầu ăn. Có thể phân biệt bằng cách nào sau đây

A. Dùng quỳ tím và nước. C. Kim loại natri và nước.

B. Khí cacbon đioxit và nước. D. Phenolphtalein và nước.

**Câu 5 :** Bệnh nhân khi truyền dung dịch đường vào tĩnh mạch, đó là loại đường nào?

 A. Sacarozơ. B. Frutozơ. C. Glucozơ D. Mantozơ.

**Câu 6:** Cho sơ đồ sau:

C6H12O6  X + Y X + O2  Z + H2O

Z + T  (CH3COO)2Ca + H2O + Y

Vậy X, Y , Z , T lần lượt là

A. C2H5OH , CH3COOH , CaO , CO2. C. C2H5OH , CO2 , CH3COOH , CaCO3.

B. CaO , CO2 , C2H5OH , CH3COOH. D. CH3COOH , C2H5OH , CaCO3 , CO2.

**Câu 7:** Phản ứng tráng gương là

A. 2CH3COOH + Ba(OH)2  (CH3COO)2Ba + 2 H2O.

B. C2H5OH + K  C2H5OK + H2

C. C6H12O6  2C2H5OH + 2CO2

D. C6H12O6 + Ag2O  C6H12O7 + 2Ag

**Câu 8 :** Saccarozơ có những ứng dụng trong thực tế là

 A. nguyên liệu trong công nghiệp thực phẩm, thức ăn cho người, pha chế thuốc.

 B. nguyên liệu sản xuất thuốc nhuộm, sản xuất giấy, là thức ăn cho người.

 C. làm thức ăn cho người, tráng gương , tráng ruột phích.

 D. làm thức ăn cho người, sản xuất gỗ, giấy, thuốc nhuộm.

**Câu 9 :** Đường mía là loại đường nào sau đây ?

A. Mantozơ. B. Glucozơ. C. Fructozơ. D. Saccarozơ.

**Câu 10:** Thuốc thử nào sau đây có thể phân biệt được dung dịch saccarozơ và glucozơ ?

A. Dung dịch H2SO4 loãng. C. Dung dịch AgNO3 /NH3.

B. Dung dịch NaOH. D. Na kim loại.